TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KINH MÔN** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019-HNGĐ- ST
Ngày: 20-5-2019
V/v ″ ly hôn ″

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KINH MÔN- TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Chuộng và bà Đinh Thị Tin
- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hiền Lương- Thư ký Tòa án
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Hương- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 84/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2019 về việc *″ ly hôn″*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2019/QĐXX-ST ngày 26 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số:14/2019/HNGĐ- ST ngày 13 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị L, sinh năm 1990
ĐHKTT: Thôn Q, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương.
Nơi ở hiện nay: Thôn P, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương.
Bị đơn: Anh Nguyễn Đức S, sinh năm 1990
Nơi cư trú: Thôn Q, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương.
Chị L có mặt, anh S vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28- 02-2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Phạm Thị L trình bày: Chị và anh Nguyễn Đức S được tự nguyện tìm hiểu và có đăng kí kết hôn vào ngày 24-02-2014 tại Ủy ban nhân dân xã T. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng với bố mẹ đẻ anh S một thời gian sau đó thuê nhà ra ở riêng. Vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng muộn có con chung. Anh S không chịu cố gắng chữa trị, mặc dù nhiều lần chị đã mua thuốc cho anh. Do vậy dẫn đến cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc,

vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm cãi nhau. Chị đã nhiều lần cố gắng nhẫn nhịn để mong anh S thay đổi nhưng và cùng cố gắng chữa trị để có con chung. Tuy nhiên anh S vẫn không thay đổi nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, căng thẳng. Chị đã nhiều lần bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở nhiều lần nhưng anh S lại đến tìm gặp để vợ chồng đoàn tụ nhưng cuộc sống gia đình không thay đổi. Từ tháng 2 năm 2019 đến nay chị về nhà bố mẹ nhưng anh S chưa lần nào đến gặp và nói chuyện để hai bên hòa giải. Anh chị đã sống ly thân từ đó đến nay. Khi chị làm đơn ly hôn đã nói chuyện với anh S nhưng anh không đồng ý và mong muốn tiếp tục chung sống cùng chị nhưng khi chị bảo anh S đi chữa để có con thì anh không nghe. Do vậy hai bên lại xảy ra mâu thuẫn,chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống cùng anh S được nữa. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn anh S.

Về con chung: Chị L xác định vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Đức S trình bày: Anh chị được tự nguyện tìm hiểu và có đăng kí kết hôn vào ngày 24-2-2014 tại Ủy ban nhân dân xã . Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng muộn có con chung, đã nhiều lần chữa trị và cố gắng nhưng không có hiệu quả nên dẫn đến vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Đến tháng 2 năm 2019 chị L đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Từ đó đến nay do anh bận công việc nên chưa đến gặp nói chuyện với chị L được. Anh chỉ gọi điện để khuyên giải động viên chị L về nhưng chị không đồng ý. Kể từ tháng 2 năm 2019 đến nay anh chị sống ly thân mỗi người một nơi. Mặc dù vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng anh nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, mâu thuẫn chưa đến mức độ phải ly hôn. Anh không hiểu vì lý do gì mà chị L xin ly hôn. Nay chị L xin ly hôn anh không đồng ý nếu chị L nói rõ lý do thì anh sẽ đồng ý ly hôn. Thực sự nếu chị L vẫn kiên quyết ly hôn thì đó là quyền của chị L tự quyết định. Vì tình cảm phải cả hai bên nếu một mình anh xây dựng thì cũng không được.

Về con chung: Anh S xác định vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Phạm Thị L vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại quá trình giải quyết vụ án và không đề nghị Tòa án giải quyết nội dung nào khác.

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án chấp hành đúng quy định

của bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án:

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị L được ly hôn anh Nguyễn Đức S.

Về con chung: Anh S và chị L cùng xác định không có con chung nên không đặt ra việc giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra việc giải quyết.

Về án phí: Chị Phạm Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn là anh Nguyễn Đức S đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt anh S.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị L kết hôn với anh Nguyễn Đức S trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị muộn có con chung, vợ chồng không cùng nhau cố gắng chữa trị nên dẫn đến bất đồng mâu thuẫn, xảy ra cãi nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Thực tế hiện nay anh chị đã sống ly thân mỗi người một nơi. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã triệu tập anh S đến làm việc, tiến hành hòa giải nhưng anh không có mặt. Anh không gặp gỡ chị L và có biện pháp để vợ chồng hòa giải mâu thuẫn. Điều đó càng chứng tỏ bản thân anh không còn ý thức mong muốn vợ chồng đoàn tụ mà để mặc cho hôn nhân đổ vỡ. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa chị L và anh S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình để chấp nhận yêu cầu của chị L, xử cho chị được ly hôn anh S là có căn cứ.

[3] Về con chung: Chị L và anh S cùng xác định vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra việc giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Phạm Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị L được ly hôn anh Nguyễn Đức S.

2. Về con chung: Chị L và anh S không có con chung nên không đặt ra việc giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra việc giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị L phải nộp 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng tiền án phí ly hôn, đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2016/0002068 ngày 12-3-2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kinh Môn. Chị L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Báo cho nguyên đơn được biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với bị đơn vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
-VKSND huyện Kinh Môn;
- Đương sự;
- UBND xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THADS huyện Kinh Môn;
- Lưu hồ sơ, Tòa án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Nguyệt